

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị công ty nhận thấy: **Một số điều khoản tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.**

Nội dung chi tiết trình sửa đổi, bổ sung tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://biathanhhoa.com.vn/cong-bo-thong-tin/>. Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực, áp dụng từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TKHĐQT.



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số 17, ngày 22 tháng 2 năm 2024)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
CĂN CỨ	CĂN CỨ	
Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Cập nhật dẫn chiếu luật
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
d) “Cổ đông lớn” là cổ đông <u>hoặc nhóm cổ đông</u> sở <u>hữu trực tiếp hoặc gián tiếp</u> từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	d) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	Sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán
Chưa có	j) “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” (sau đây gọi là “thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp	Bổ sung theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Chưa có	<p>k) “Phương tiện điện tử” là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.</p> <p>l) “Đại hội đồng cổ đông trực tuyến” hoặc “Đại hội trực tuyến” là hình thức tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.</p> <p>m) “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.</p> <p>n) “Hệ thống bỏ phiếu điện tử” hoặc “Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến” là hệ thống hỗ trợ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cung cấp cho cổ đông các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p>	Bổ sung 1 số thuật ngữ liên quan đến hình thức tổ chức ĐHĐCĐ thông qua hội nghị trực tuyến, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 2 Phụ lục II Ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
Chưa có	<p>3. Chữ viết tắt:</p> <p>a. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. “HDQT” là Hội đồng quản trị;</p> <p>c. “BKS” Là Ban kiểm soát.</p>	Cập nhật, bổ sung thêm chữ Viết tắt xuất hiện trong Quy chế
CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	
1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan và Điều 11 và Điều 12 Điều lệ công ty, đặc biệt là:	1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan và Điều 12 và Điều 13 Điều lệ công ty, đặc biệt là:	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại điều lệ
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ công ty.	2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 11. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	Điều 11. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.	2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	
1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 13. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Điều 13. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	
3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 14 Điều lệ công ty.	3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 15 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
4. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.	4. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty và Luật Doanh	Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty và Luật Doanh	Cập nhật dẫn chiếu tới quy

<i>Quy định tại Quy chế hiện hành</i>	<i>Quy định tại Quy chế sửa đổi</i>	Căn cứ pháp lý
nghịệp và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:	nghịệp và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:	định tại Điều lệ
Điều 20. Thư ký công ty	Điều 20. Thư ký công ty	
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.	3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 23. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	Điều 23. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	
c. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty.	c. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	
Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:	Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều 40 Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp , Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	Sửa đổi bổ sung phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp
CHƯƠNG VII. BAN ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VII. BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc	Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc	
1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty.	1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
3. Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 14 và Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 13 Quy chế này.	3. Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 15 và Điều 28 Điều lệ Công ty và Điều 13 Quy chế này.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
CHƯƠNG VIII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	CHƯƠNG VIII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	
Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 42. Ngày hiệu lực	Điều 42. Ngày hiệu lực	
1. Quy chế này gồm 11 chương, 42 Điều và 08 Phụ lục, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá thống nhất thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	1. Quy chế này gồm 11 chương, 42 Điều và 08 Phụ lục, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá thống nhất thông qua ngày tháng năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	
PHỤ LỤC I TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	PHỤ LỤC I TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; + Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ;	Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; + Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ;	Cập nhật dẫn chiếu luật
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật theo thông báo số 2168/TB-VSDC ngày 9/8/2023

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.	3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán , Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam , Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng..	Cập nhật theo thông báo số 2168/TB-VSDC ngày 9/8/2023
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
1. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.	1. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội	Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội	
b) Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.	b) Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 15	Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều lệ Công ty.	Điều lệ Công ty.	
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông	Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông	
4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết hoặc số phiếu bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.	4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một bộ thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết hoặc số phiếu bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.	Điều chỉnh quy định này để phù hợp với thực tế triển khai đại hội
Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu. <u>Và</u> Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.	1. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.	Cập nhật, bổ sung phù hợp theo quy định tại Điều 20 Phụ lục I Ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
Chưa có	2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc quy chế tương	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

<i>Quy định tại Quy chế hiện hành</i>	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	đương hoặc Điều lệ công ty.	
2. Cách thức kiểm phiếu: - Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả; - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.	3. Cách thức kiểm phiếu: - Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả; - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.	Cập nhật STT
3. Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	4. Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	Cập nhật STT
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.	Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới Điều lệ
Điều 15. Lập Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Lập Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông	
g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của <u>cổ đông dự họp</u>	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của <u>tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.</u>	Sửa đổi bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
Điều 16. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Cập nhật, sửa đổi bổ sung theo quy định tại công văn số 1315/UBCK-SGDCK về việc thông báo triển khai hệ thống công bố thông tin một đầu mối
Mục 3. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Mục 3. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	
Điều 18. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn	1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại điều lệ

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;	bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;	
Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại điều lệ
e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty.	e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại điều lệ
f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 Điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại điều lệ
Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	
Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	
Chưa có	c) Thông báo mời họp có thể bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu để cổ đông đăng nhập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, tham dự và biểu quyết đối với các vấn đề cần thông qua tại Đại hội cổ đông. Khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác, cổ đông phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ	Bổ sung phù hợp với hoạt động hiện hành của Doanh nghiệp và theo quy định của Pháp luật

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.</p> <p>d) Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. Đồng thời, để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc).</p> <p>Công ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết như đã đề cập tại Điểm c Khoản này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.</p>	
<p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ</p>
<p>5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ</p>
<p>7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ</p>
<p>PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG</p>	<p>PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG</p>	

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
QUẢN TRỊ	QUẢN TRỊ	
Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Cập nhật dẫn chiếu luật
Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị	
1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 26 Điều lệ công ty. 2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 26 Điều lệ công ty.	1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 27 Điều lệ công ty. 2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới điều lệ
Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	
1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:	1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:	Cập nhật dẫn chiếu tới điều lệ
b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	Cập nhật dẫn chiếu tới điều lệ
2. Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông	2. Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 25 Phụ lục I ban hành kèm thông tư

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn ba (03) ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, <u>ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</u></p>	<p>qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn ba (03) ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc các quy chế tương đương của công ty và được quy định như sau:</p>	<p>116/2020/TT-BTC</p>
<p>Chưa có</p>	<p>a) HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điểm b khoản 1 điều này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHCĐ gần nhất.</p> <p>b) HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty và Quy chế bầu cử của từng đợt bầu cử.</p> <p>c) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên giới thiệu thêm theo các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng ứng viên: là số lượng ứng viên còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử. - Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua. - Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. 	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 25 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực</p>	<p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 11 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p>	<p>hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 11 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc các quy chế tương đương hoặc Điều lệ công ty. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc quy chế tương đương.</p>	<p>Khoản 3 Điều 25 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	
<p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty;</p>	<p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại điều lệ</p>
<p style="text-align: center;">PHỤ LỤC III</p> <p>TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p style="text-align: center;">PHỤ LỤC III</p> <p>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Sửa đổi phù hợp tên của phụ lục quy định tại Điều 3 của Quy chế</p>
<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p>	<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p>Điều 7. Cách thức biểu quyết</p>	<p>Điều 7. Cách thức biểu quyết</p>	
<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tới quy</p>

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 8 Điều 43 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 8 Điều 44 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	định tại Điều lệ
Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị	
<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h của khoản này thì biên bản này có hiệu lực. <u>Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.</u></p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h của khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	Sửa đổi bổ sung theo quy định tại luật số 03/2020/QH15
PHỤ LỤC IV TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	PHỤ LỤC IV TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	Sửa đổi phù hợp tên của phụ lục quy định tại Điều 3 của Quy chế
<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p>	<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>	Cập nhật dẫn chiếu luật
Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	
1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.	1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	
1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện trong tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy	1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện trong tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.	định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.	
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 (ba) ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Kiểm soát viên sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 (ba) ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Kiểm soát viên sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	Sửa đổi theo quy định tại điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Không có	3. Cách thức Ban Kiểm soát giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự như cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 2 Điều 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.	Bổ sung quy định về Cách thức Ban Kiểm soát giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo phù hợp với Khoản 3 Điều 25 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung Kiểm soát viên	Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung Kiểm soát viên	
1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;	1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty;	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Ban kiểm soát không đảm bảo theo quy định.	Sửa đổi theo quy định tại điều 140 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
PHỤ LỤC V TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	PHỤ LỤC V TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	Sửa đổi phù hợp tên của phụ lục quy định tại Điều 3 của Quy chế

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Căn cứ pháp lý Cập nhật dẫn chiếu luật
Điều 4. Bổ nhiệm và miễn nhiệm người phụ quản trị công ty	Điều 4. Bổ nhiệm và miễn nhiệm người phụ quản trị công ty	
1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. <u>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.</u>	1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty và có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.	Sửa đổi, cập nhật, bổ sung phù hợp với quy định tại điều 278 và điều 281 nghị định 155/2020/NĐ-CP
Chưa có	3. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty; b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động; c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết	Sửa đổi, cập nhật, bổ sung phù hợp với quy định tại điều 278 và điều 281 nghị định 155/2020/NĐ-CP
PHỤ LỤC VI TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	PHỤ LỤC VI TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	Sửa đổi phù hợp tên của phụ lục quy định tại Điều 3 của Quy chế
Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Căn cứ: + Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Cập nhật dẫn chiếu luật

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p align="center">PHỤ LỤC VII</p> <p>PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ <u>BAN ĐIỀU HÀNH</u></p>	<p align="center">PHỤ LỤC VII</p> <p>QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ <u>GIÁM ĐỐC</u></p>	<p>Sửa đổi phù hợp tên của phụ lục quy định tại Điều 3 của Quy chế</p>
<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p>	<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p align="center">PHỤ LỤC VIII</p> <p>QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, <u>TỔNG GIÁM ĐỐC</u> VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p align="center">PHỤ LỤC VIII</p> <p>QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, <u>GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH</u> VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>Sửa đổi phù hợp tên của phụ lục quy định tại Điều 3 của Quy chế</p>
<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p>	<p>Căn cứ:</p> <p>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p>Lưu ý:</p> <p>- Một số điều chỉnh liên quan đến thời điểm Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được sửa đổi và có hiệu lực có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</p> <p>- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</p>		